

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Kim

2. Ông Đoàn Văn Lắm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2022/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 20/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 07/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh B.

Tạm trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh B.

Tạm trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2022 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:* Chị và anh Trần Thanh T tự nguyện kết hôn trên cơ sở quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh B vào ngày 02/3/2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, anh T còn nhiều lần đánh chị không thương tiếc, cũng nhiều lần chị mong muốn hàn gắn

tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng nhiều và gay gắt hơn dẫn đến mâu thuẫn hôn nhân càng trầm trọng hơn và không thể tiếp tục chung sống và hòa hợp được. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Trần Thanh T. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung tên Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 17/9/2016 và Trần Bảo L, sinh ngày 23/01/2019, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có. Vì bận đi làm nên chị xin vắng mặt trong những lần Tòa án mời.

*Bị đơn anh Trần Thanh T vắng mặt vào những lần Tòa án mời nên không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

*Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:* Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý đến xét xử; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể là còn vắng mặt vào các lần Tòa án mời; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T; Về con chung: chị Nguyễn Thị Mỹ T được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung tên Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 17/9/2016 và Trần Bảo L, sinh ngày 23/01/2019, anh Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi hai con do chị T không có yêu cầu; Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, nợ chung không có nên không đề cập.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn Trần Thanh T có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ T đối với anh Trần Thanh T, thấy rằng: Về hôn nhân: Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều

kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, anh T còn nhiều lần đánh chị không thương tiếc, nhiều lần chị mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn hôn nhân ngày càng nhiều và gay gắt hơn dẫn đến cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn càng trầm trọng hơn và không thể tiếp tục chung sống và hòa hợp được. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Trần Thanh T. Phía anh T đã được Tòa án mời nhiều lần tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T nhưng anh không đến cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình chứng tỏ anh không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Từ những lập luận trên nghĩ rằng hôn nhân của anh chị xuất phát từ những mâu thuẫn trong đời sống hàng ngày nhưng anh chị không khắc phục được hạn chế của bản thân nên đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có hai con chung tên Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 17/9/2016 và Trần Bảo L, sinh ngày 23/01/2019 hiện hai cháu đang sống chung với anh T và chị T, khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con, phía anh T không có văn bản thể hiện mong muốn được nuôi hai con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung sau khi anh chị ly hôn là phù hợp, ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, nợ chung không có nên không đề cập.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ T.

Chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với anh Trần Thanh T.

[2] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp nuôi hai con chung tên Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 17/9/2016 và Trần Bảo L, sinh ngày 23/01/2019, anh Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi hai con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; nợ chung không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004991 ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã B, huyện B, tỉnh B, ĐKKH số 15, ngày 02/3/2016 (01b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoài Nhớ**